

TOÁN**BÀI TOÁN ÍT HƠN****I. Mục tiêu:*****Kiến thức, kĩ năng:**

- Nhận biết ý nghĩa bài toán ít hơn: Nếu bớt phần ít hơn ở số lớn sẽ được số bé.
- Vận dụng GQVĐ liên quan: Giải bài toán ít hơn.

***Năng lực, phẩm chất:**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.
- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.
- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập

*Tích hợp: TN & XH

III. Chuẩn bị:

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có); 20 khối lập phương
- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV; 10 khối lập phương

III. Các hoạt động dạy học:

TL	Hoạt động của giáo viên.	Hoạt động của học sinh.
2'	A.KHỞ ĐỘNG : - GV cho HS bắt bài hát - Vào bài mới	- HS hát -HS lắng nghe
15'	B.BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH:	
	Hoạt động 1. Giới thiệu bài toán ít hơn và cách giải Bài toán - Hs đọc đề bài kết hợp chỉ tay vào hình ảnh minh họa. HS nhận biết câu hỏi và những điều đề bài cho biết. Sơn : 7 viên bi. Thúy: ít hơn Sơn 2 viên bi Thúy: ... viên bi? HS dựa vào hình ảnh, xác định	-HS đọc bài -HS quan sát nhận biết

	<ul style="list-style-type: none"> Số bi của Thuý (bị tờ giấy che). Số bi Thuý ít hơn Sơn (2 viên bi). Nếu dùng tay che 2 viên bi rày thì số bi còn lại bằng số bi của Thuý. Hs nhóm đôi tự thực hiện phép tính và viết câu trả lời Kiểm tra: Sơn có 7 viên bi, Thuý có 5 viên bi, có đúng là Thuý có ít hơn Sơn 2 viên bi? ($7-5 = 2$). 	<p>-HS trả lời</p> <p>-HS giải bài toán: <u>Bài giải</u> Số bi của Thuý có là: $7-2 = 5$ (viên) Đáp số: 5 viên bi.</p> <p>-HS kiểm tra lại</p>
15'	C.LUYỆN TẬP	
	<p>Bài 1:</p> <p>-HS đọc kĩ đề bài, -Bài toán cho biết gì? Bài toán hỏi gì? -HD HS thực hiện -GV nhận xét. GV:ít hơn 2 học sinh tức là nếu bớt 2 học sinh ở lớp 2A thì sẽ được số học sinh lớp 2B.</p>	<p>- HS nêu yêu cầu bài tập. -HS thực hiện -HS khác nhận xét, bổ sung.</p>
	<p>Bài 2:</p> <p>-HS đọc kĩ đề bài, -Bài toán cho biết gì? Bài toán hỏi gì? -HD HS thực hiện -GV nhận xét.</p>	<p>- HS nêu yêu cầu bài tập. -HS thực hiện -HS khác nhận xét, bổ sung.</p>
3'	C.CỦNG CỐ-DẶN DÒ	
	- Nhận xét bài học tiết học, chuẩn bị bài sau.	-HS trả lời, thực hiện

TOÁN

LÍT

I.Mục tiêu:

*Kiến thức, kĩ năng:

- Nhận biết đơn vị đo dung tích: lít; tên gọi, kí hiệu.
- Nhận biết được độ lớn của 1l.
- Sử dụng vật chứa 1l để xác định sức chứa của các vật khác.
- Xác định sức chứa của vật so với 1l.
- GQVĐ đơn giản liên quan đến sức chứa của vật.

*Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập, trung thực, trách nhiệm

*Tích hợp: TN & XH

III. Chuẩn bị:

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có); 1 số chai lọ có dung tích: 1 lít, 2, lít.....

- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV; 1 số chai lọ có dung tích: 1 lít, 2, lít.....

III. Các hoạt động dạy học:

<i>TL</i>	<i>Hoạt động của giáo viên.</i>	<i>Hoạt động của học sinh.</i>
2'	A.KHỞI ĐỘNG : - GV cho HS bắt bài hát - Vào bài mới	- HS hát - HS lắng nghe
15'	B.BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH: <i>Hoạt động . Giới thiệu đơn vị đo dung tích lít và dụng cụ đo dung tích (chai 1 lít, ca 1 lít)</i> -GV cho HS quan sát hai xô (không có nước), loại xô 10l và 12l. +GV hỏi: <i>Xô nào đựng được nhiều hơn? (xô lớn). Nhiều hơn bao nhiêu?</i> +GV: <i>Để biết mỗi vật chứa được bao nhiêu chất lỏng, người ta thường dùng đơn vị lít.</i> - Lít là một đơn vị đo dung tích. Lít viết tắt là <i>l</i> . Đọc là <i>lít</i> .	-HS quan sát nhận biết -HS trả lời -HS nhắc lại
15'	C.LUYỆN TẬP	
	Bài 1: -HS nêu yêu cầu bài tập -HD HS thực hiện ở bảng con -GV nhận xét.	- HS nêu yêu cầu bài tập. -HS thực hiện -HS khác nhận xét
	Bài 2: -HS nêu yêu cầu bài tập	- HS nêu yêu cầu bài tập.

	<p>-GV cho HS tiếp xúc với dụng cụ đo chứa 1 lít nước. Mỗi nhóm HS quan sát các vật đựng đựng chất lỏng đã chuẩn bị: + Đoán xem mỗi vật dụng chứa được bao nhiêu lít. + Kiểm tra lại bằng cách đọc dung tích trên vỏ hộp chai</p> <p>-HD HS thực hiện -GV nhận xét.</p>	<p>-HS thực hiện</p> <p>-HS khác nhận xét</p>
	<p>Bài 3:</p> <p>- HS nêu yêu cầu bài tập - GV đặt vấn đề: Máy bình nước của em thì được 1 lít nước? (1 lít và các bình nước cá nhân).</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ước lượng bằng mắt, đoán xem 1lít được bao nhiêu bình. nước. • Đổ nước từ bình 1 lít vào bình nước cá nhân. • Đổ nước từ bình cá nhân vào bình 1 lít cho tới lúc đầy. <p>-HD HS thực hiện, GV theo dõi</p>	<p>-HS nêu yêu cầu bài tập.</p> <p>-HS thực hiện</p> <p>-HS khác nhận xét</p>
	<p>Bài 34</p> <p>-HS nêu yêu cầu bài tập -HD HS tìm liểu và viết ra bảng con: -GV nhận xét</p>	<p>HS nêu yêu cầu bài tập.</p> <p>-HS thực hiện -HS khác nhận xét</p>
3'	<p>C.CỦNG CỐ-DẶN DÒ</p> <p>GV:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có nhiều vật xung quanh ta có thể chứa chất lỏng; có vật chứa được nhiều, có vật chứa được ít. - Để biết chính xác sức chứa của các vật, người ta phải “đong” bằng tay hoặc dùng máy móc hỗ trợ (máy bơm xăng,...) theo đơn vị lít. - Lít là một đơn vị đo đựng tích, 1/ khoảng ... bình nước của em <p>- Nhận xét bài học tiết học, chuẩn bị bài sau.</p>	<p>-HS lắng nghe, thực hiện</p>

TOÁN

Em làm được những gì? (Tiết 1)

I. Mục tiêu:

*Kiến thức, kỹ năng:

- Củng cố các kiến thức, kỹ năng về số và phép tính.
 - Thứ tự các số; sử dụng các thuật ngữ số liền trước, số liền sau để diễn tả số.
 - GQVĐ đơn giản liên quan đến quan hệ thứ tự của số.
 - Cấu tạo số trong phạm vi 100 và các phép tính có liên quan.
 - Tính nhẩm, tính viết trong phạm vi 100.
 - Cộng trừ qua 10 trong phạm vi 20.
 - Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính.
 - Củng cố các kiến thức, kỹ năng về hình học và đo lường.
 - Thực hành xếp hình.
 - GQVĐ đơn giản liên quan đến đường thẳng, đường cong, đường gấp khúc.
- GQVĐ đơn giản liên quan đến độ dài.

*Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.
- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.
- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập, trung thực, trách nhiệm

*Tích hợp: TN & XH

III. Chuẩn bị:

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có)
- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV

III. Các hoạt động dạy học:

TL	Hoạt động của giáo viên.	Hoạt động của học sinh.
2'	A.KHỞ ĐỘNG : - GV cho HS bắt bài hát - Vào bài mới	- HS hát - HS lắng nghe
30'	C.LUYỆN TẬP	
	Bài 1: - HS nêu yêu cầu bài tập - HD HS tìm hiểu từng câu, thực hiện rồi trình bày.	- HS nêu yêu cầu bài tập. - HS thực hiện theo nhóm đôi

	<p>a) Với mỗi số đều có thể nói theo hai cách: liền trước, liền sau.</p> <p>b)? có thể là 19 hoặc 20.</p> <p>c)- Nhiều hơn 18 nhưng ít hơn 21 cái thì có thể là 19 hay 20 cái.</p> <p>- Số bút chì không là 20 vì 20 là số liền trước của 21.</p> <p>- Vậy số bút chì của mèo con là 19.</p> <p>-GV nhận xét</p> <p>Thư giãn</p> <p>GV đọc bài thơ Mèo con đi học.</p>	<p>-HS khác nhận xét</p> <p>-HS nghe bài thơ: Mèo con đi học</p>
	<p>Bài 2:</p> <p>-HS nêu yêu cầu bài tập</p> <p>--HD HS thực hiện ở bảng con</p> <p>-GV nhận xét.</p>	<p>- HS nêu yêu cầu bài tập.</p> <p>-HS thực hiện</p> <p>-HS khác nhận xét</p>
	<p>Bài 3:</p> <p>-HS nêu yêu cầu bài tập</p> <p>-HD HS thực hiện ở bảng con</p> <p>-GV nhận xét, lưu ý cách đặt tính đúng</p>	<p>-HS nêu yêu cầu bài tập.</p> <p>-HS thực hiện</p> <p>-HS khác nhận xét</p>
	<p>Bài 4:</p> <p>-HS nêu yêu cầu bài tập</p> <p>-HD HS <i>Gộp cho đủ chục rồi cộng với số còn lại.</i></p> <p><i>Trừ để được 10 rồi trừ số còn lại.</i></p> <p>-GV hỏi kết quả, cách tính</p> <p>-GV nhận xét sửa chữa</p>	<p>- HS nêu yêu cầu bài tập.</p> <p>-HS trả lời nhanh</p> <p>-HS khác nhận xét</p>
3'	<p>C.CỦNG CỐ-DẶN DÒ</p> <p>- Nhận xét bài học tiết học, chuẩn bị bài sau.</p>	<p>-HS lắng nghe, thực hiện</p>

TOÁN

Em làm được những gì? (Tiết 2)

I.Mục tiêu:

*Kiến thức, kĩ năng:

- Củng cố các kiến thức, kĩ năng về số và phép tính.
- Thử tự các số; sử dụng các thuật ngữ số liền trước, số liền sau để diễn tả số.

- GQVĐ đơn giản liên quan đến quan hệ thứ tự của số.
 - Cấu tạo số trong phạm vi 100 và các phép tính có liên quan.
 - Tính nhẩm, tính viết trong phạm vi 100.
 - Cộng trừ qua 10 trong phạm vi 20.
 - Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính.
 - Củng cố các kiến thức, kỹ năng về hình học và đo lường.
 - Thực hành xếp hình.
 - GQVĐ đơn giản liên quan đến đường thẳng, đường cong, đường gấp khúc.
- GQVĐ đơn giản liên quan đến độ dài.

***Năng lực, phẩm chất:**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.
- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.
- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập, trung thực, trách nhiệm

*Tích hợp: TN & XH

III. Chuẩn bị:

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có)
- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV

III. Các hoạt động dạy học:

TL	Hoạt động của giáo viên.	Hoạt động của học sinh.
2'	A.KHỞI ĐỘNG : - GV cho HS bắt bài hát - Vào bài mới	- HS hát - HS lắng nghe
30'	C.LUYỆN TẬP	
	Bài 5: -HS nêu yêu cầu bài tập -HD HS áp dụng cộng, trừ qua 10 trong phạm vi 20 để giải quyết -GV nhận xét.	- HS nêu yêu cầu bài tập. -HS thực hiện -HS khác nhận xét
	Bài 6: -HS nêu yêu cầu bài tập -GV dùng hình minh họa làm mẫu	-HS nêu yêu cầu bài tập.

	-HD HS vận dụng công, trừ trong phạm vi 20 để làm -GV nhận xét	-HS thực hiện -HS khác nhận xét
	Bài 7: -HS nêu yêu cầu bài tập -HD HS thực hành xếp hình. -GV nhận xét	-HS nêu yêu cầu bài tập. -HS thực hiện theo nhóm đôi -HS khác nhận xét
	Bài 8: -HS nêu yêu cầu bài tập -HD HS nhóm đôi quan sát hình ảnh, nhận biết đường đi của mỗi bạn. - Thực hiện từng câu. a) Sai (chỉ có hai đường gấp khúc). b) Đúng ($3\text{ cm} + 5\text{ cm} + 3\text{ cm} = 11\text{ cm}$). c) Sai ($10\text{ cm} + 2\text{ cm} = 12\text{ cm}$). d) Đúng ($10\text{ cm} = 1\text{ dm}$). -GV nhận xét	- HS nêu yêu cầu bài tập. -HS thực hiện theo nhóm đôi -HS khác nhận xét
3'	C.CỦNG CỐ-DẶN DÒ - Nhận xét bài học tiết học, chuẩn bị bài sau.	-HS lắng nghe, thực hiện

TOÁN

Em làm được những gì? (Tiết 3)

I.Mục tiêu:

**Kiến thức, kỹ năng:*

- Củng cố các kiến thức, kỹ năng về số và phép tính.
- Thứ tự các số; sử dụng các thuật ngữ số liền trước, số liền sau để diễn tả số.
- GQVĐ đơn giản liên quan đến quan hệ thứ tự của số.
- Cấu tạo số trong phạm vi 100 và các phép tính có liên quan.
- Tính nhẩm, tính viết trong phạm vi 100.
- Cộng trừ qua 10 trong phạm vi 20.
- Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính.
- Củng cố các kiến thức, kỹ năng về hình học và đo lường.
- Thực hành xếp hình.
- GQVĐ đơn giản liên quan đến đường thẳng, đường cong, đường gấp khúc.
- GQVĐ đơn giản liên quan đến độ dài.

**Năng lực, phẩm chất:*

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.
- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.
- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập, trung thực, trách nhiệm

*Tích hợp: TN & XH

III. Chuẩn bị:

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có)
- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV

III. Các hoạt động dạy học:

<i>TL</i>	<i>Hoạt động của giáo viên.</i>	<i>Hoạt động của học sinh.</i>
2'	A.KHỞI ĐỘNG : - GV cho HS bắt bài hát - Vào bài mới	- HS hát - HS lắng nghe
30'	C.LUYỆN TẬP	
	<p>Bài 9: -HS nêu yêu cầu bài tập Tìm hiểu bài, nhóm đôi tập nói tóm tắt ngắn gọn. Hôm qua: 9 ngôi sao. Hôm nay: 8 ngôi sao. Cả hai ngày: ... ngôi sao? Trình bày bài giải. -GV nhận xét, sửa chữa</p> <p>*Vui học: -Tìm hiểu bài: - Tìm chiều cao mỗi bạn. - Trong ba bạn, có ai đã biết chiều cao? (Cà Tím 15 cm). - Tìm chiều cao hai bạn còn lại theo Cà Tím. GV hướng dẫn: • Cà Tím thấp hơn Ngô (Bắp) 3 cm tức là Ngô cao hơn Cà Tím 3 cm. • Cà Tím cao hơn Cà Chua 9cm tức là Cà Chua</p>	<p>- HS nêu yêu cầu bài tập.</p> <p>-HS thực hiện Bài giải Số ngôi sao Mai gấp cả hai ngày: $6 + 8 = 17$ (ngôi sao) Đáp số: 17 ngôi sao. -HS khác nhận xét</p> <p>-HS tìm hiểu</p> <p>-HS trả lời</p>

	<p>thấp hơn Cà Tím 9 cm.</p> <p>*Khám phá</p> <ul style="list-style-type: none"> - HD HS tìm hiểu bài, giải thích từng bức tranh. Miệng bình nhỏ, đầu quạ không chui vào được để uống nước. Quạ thả sỏi vào bình. Quạ uống nước. - Các nhóm giải thích tại sao quạ uống được nước. - GV có thể liên hệ thực tế: Khi pha nước chanh đá, người ta cho vào li: nước lọc, đường, chanh sao cho chỉ chiếm khoảng nửa li, tại sao vậy? (Vì khi cho nước đá vào, nước trong li dâng lên đầy li). <p>*Thử thách</p> <ul style="list-style-type: none"> - HD HS nhóm sáu tìm hiểu bài, các em có thể viết các phép tính minh họa. - Các nhóm trình bày, có thể có nhiều cách giải thích: Đếm thêm 3: 2,5,8,11, 14,17. Vào thứ Bảy, cây cao 17 dm. - Có bạn nào cao 17 dm? <p>*Đặt nước em</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hd HS quan sát ảnh ruộng bậc thang. - GV giới thiệu đôi nét về ruộng bậc thang và vẻ đẹp của nó. - HS nhận biết hình ảnh các đường cong trong ảnh. - HD HS tìm vị trí tỉnh Yên Bái trên <i>bản đồ</i> <p>-GV nhận xét.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS nhóm bốn tìm hiểu bài, giải thích từng bức tranh. -HS trả lời: Thả sỏi vào, nước dâng lên (lượng nước vẫn thế, sức chứa ít đi). -HS nhận biết - HS nhóm sáu tìm hiểu bài, viết các phép tính minh họa. $2 + 3 = 5$ $5 + 3 = 8$ $14 + 3 = 17$ -HS quan sát ảnh ruộng bậc thang. -HS chỉ các đường cong trong ảnh -HS tìm vị trí tỉnh Yên Bái trên <i>bản đồ</i>
3'	<p>C.CỦNG CỐ-DẶN DÒ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét bài học tiết học, chuẩn bị bài sau. 	<ul style="list-style-type: none"> -HS lắng nghe, thực hiện

TOÁN

NHIỀU HƠN HAY ÍT HƠN BAO NHIÊU (Tiết 2)

I. Mục tiêu:

*Kiến thức, kĩ năng:

- Nhận biết nhiều hơn, ít hơn.
- Vận dụng GQVĐ liên quan:
- Tìm xem hai nhóm đối tượng nhiều hơn hay ít hơn bao nhiêu qua việc so sánh hai số hơn kém bao nhiêu đơn vị.

*Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.
- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.
- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập

*Tích hợp: TN & XH

III. Chuẩn bị:

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có); 20 khối lập phương
- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV; 10 khối lập phương

III. Các hoạt động dạy học:

TL	Hoạt động của giáo viên.	Hoạt động của học sinh.
3'	A.KHỞ ĐỘNG : -GV cho HS bắt bài hát -Ôn định , vào bài	- HS hát
20'	B.LUYỆN TẬP : <i>Hoạt động: Luyện tập</i> <i>*Bài 1:</i>	

	<p>-Nêu yêu cầu bài tập</p> <p>- HS nhóm đôi nhận biết đây là bài toán tìm phần chênh lệch. (GV có thể sử dụng phương pháp mảnh ghép để tổ chức cho HS luyện tập câu a và câu b.)</p> <p>-GV có thể khuyến khích nhiều nhóm HS nói. Mở rộng: cách nói về tuổi, có thể dùng từ “lớn hơn... tuổi” hoặc “nhỏ / bé hơn ... tuổi”.</p> <p>- GV nhận xét, củng cố</p>	<p>-HS nêu yêu cầu bài tập</p> <p>-HS làm việc theo nhóm</p> <p>-HS trả lời</p>
	<p>Bài 2:</p> <p>-HS thảo luận, nhận biết các nhiệm vụ cần làm: cách phổ biến nhất là đo từng băng giấy rồi làm tính trừ (10 cm - 6 cm = 4 cm).</p> <p>-Khi các nhóm trình bày, GV giúp đỡ các em giải thích từng bước làm.</p> <p>-Nhiều hơn hay ít hơn bao nhiêu chính là bài toán tìm phần chênh lệch.</p> <p>-GV có thể cho HS chơi “Ai nhanh hơn”.</p> <p>Ví dụ:</p> <p>- GV nói: 8 cái bánh, 1 cái kẹo.</p> <p>HS nhóm đôi: viết phép tính trừ vào bảng con, nhóm nào viết xong trước nhất thì chạy lên trước lớp đứng, giơ bảng cho cả lớp xem và nói:</p> <p>HS 1. Bánh nhiều hơn kẹo 7 cái.</p> <p>HS 2: Kẹo ít hơn bánh 7 cái</p>	<p>- HS nêu yêu cầu bài tập.</p> <p>-HS thực hiện</p> <p>-HS khác nhận xét, bổ sung.</p>
12'	<p>C.CỦNG CỐ-DẶN DÒ</p> <p>- GV: Nhiều hơn hay ít hơn bao nhiêu chính là bài toán tìm phần chênh lệch.</p> <p>- GV có thể cho HS chơi “Ai nhanh hơn”.</p> <p>Ví dụ:</p> <p>GV nói: 8 cái bánh, 1 cái kẹo.</p> <p>HS nhóm đôi: viết phép tính trừ vào bảng con, nhóm nào viết xong trước nhất thì chạy lên trước lớp đứng, giơ bảng cho cả lớp xem và nói:</p> <p>HS 1. Bánh nhiều hơn kẹo 7 cái.</p> <p>-GV nhận xét, tuyên dương</p>	<p>-HS chơi trò chơi</p> <p>-HS trả lời, thực hiện</p>

TOÁN

Em làm được những gì? (Tiết 1)

I.Mục tiêu:

***Kiến thức, kĩ năng:**

- Ôn tập: tên gọi các thành phần của phép tính cộng và phép tính trừ.
- củng cố ý nghĩa của phép cộng, phép trừ: Dựa vào hình ảnh, nói được tình huống dẫn đến phép cộng, phép trừ.
- Sử dụng sơ đồ tách - gộp số để nhận biết mối quan hệ giữa phép cộng và phép trừ.
- Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính (+, -).
- Hệ thống hoá các kiến thức đã học về số, phép tính, giải toán.

***Năng lực, phẩm chất:**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.
- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.
- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập

*Tích hợp: Toán học và cuộc sống; TN & XH

III. Chuẩn bị:

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có).
- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. Các hoạt động dạy học:

TL	Hoạt động của giáo viên.	Hoạt động của học sinh.
8'	A.KHỞI ĐỘNG : -Trò chơi: ĐÓ BẠN +GV: Tám mươi bảy gồm mấy chục và mấy đơn vị? +Cả lớp: 87 gồm 8 chục và 7 đơn vị hay 80 và 7. +GV: Gộp 80 và 7 được số nào? +Cả lớp: Gộp 80 và 7 được 87. -Sau đó HS chơi theo nhóm đôi hoặc chơi theo đội. -GV vào bài	-HS chơi
22'	B.LUYỆN TẬP :	

<p>Hoạt động: Luyện tập</p> <p>Bài 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Nhóm hai HS tìm hiểu bài, nhận biết • Yêu cầu của bài: số?. • Tìm quy luật dãy số (câu a: thêm 1; câu b: thêm 2; câu c: thêm 10). - Khi sửa bài, khuyến khích HS giải thích tại sao điền như vậy. Ví dụ: a) Em đếm thêm 1. b) Em đếm thêm 2. c) Em đếm thêm 10. - GV nhận xét, củng cố 	<ul style="list-style-type: none"> -HS nêu yêu cầu bài tập -HS làm ở bảng con -HS trả lời
<p>Bài 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nhóm đôi tìm hiểu mẫu, nhận biết yêu cầu rồi thực hiện. • Phân tích cấu tạo số: 73 gồm 70 và 3. • Viết bốn phép tính với ba số: 73; 70 và 3. - Sửa bài, khuyến khích HS phân tích cấu tạo số. Mở rộng: Với ba số mà ta có thể viết thành phép cộng hay phép trừ, người ta gọi đó là các số gia đình -HS nêu -GV nhận xét 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nêu yêu cầu bài tập. -HS trả lời -HS khác nhận xét, bổ sung.
<p>Bài 3:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Nêu yêu cầu bài tập -HD HS thực hiện $34 + 52 = 86$ 34 là số hạng 52 là số hạng 86 là tổng -HS nhóm đôi che từng số trong sơ đồ tách- gộp rồi đọc phép tính để tìm số bị chia. -HS thay ? bằng phép tính thích hợp -GV nhận xét ,bổ sung 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nêu yêu cầu bài tập. -HS làm bài -HS khác nhận xét, bổ sung.
<p>Bài 4:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS tìm hiểu bài, nhận biết: đặt tính rồi tính 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nêu yêu cầu bài tập.

	<ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện (bảng con). - Sửa bài. • HS làm tiên bảng lớp (Mỗi HS làm một phép tính). * Lưu ý HS đặt đúng phép tính $8 + 41$ -GV nhận xét ,bổ sung 	<ul style="list-style-type: none"> -HS làm bài -HS khác nhận xét, bổ sung.
5'	<p>C.CỦNG CỐ-DẶN DÒ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét bài học tiết học, chuẩn bị bài sau. 	<ul style="list-style-type: none"> -HS trả lời, thực hiện

